TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 03 – 01 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 725/2023/TLST–DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 431/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh Thang Thị P .

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn Đ , huyện Đ , tỉnh C .

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Thang Thị P , sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đ , tỉnh C là người đại diện hộ kinh doanh Thang Thị P . (vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà P :* Ông Trần Vũ P , sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Lợi A, xã tạ An K , huyện Đ , tỉnh C (văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh N , sinh năm 1976.

2. Bà Trần Hồng T , sinh năm1978.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tân Khánh, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (ông N có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2023 trong qúa trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Trần Vũ P trình bày: Trước đây vào năm 2015 đến năm 2018 vợ chồng ông Nguyễn Minh N và bà Trần Hồng T nuôi tôm công nghiệp nên Hộ kinh doanh Thang Thị P (đại diện bà Thang Thị P) có đầu tư thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản bán nợ cho vợ chồng ông N và bà T đến năm 2018 thì ngưng. Khi bà P ngưng bán thuốc thủy sản và thức ăn tôm cho ông N và bà T, hai bên có đối chiếu công nợ số tiền 191.107.000 đồng và ông N là người trực tiếp ký nhận nợ với bà P . Trong quá trình giao thuốc thủy sản và thức ăn tôm cho ông N và bà T, mỗi lần giao thuốc thủy sản và thức ăn tôm có khi ông N , có khi bà T nhận thuốc thủy sản và thức ăn tôm. Từ khi đối chiếu công nợ đến nay, vợ chồng ông N và bà T chưa thanh toán tiền cho bà P . Nhiều lần bà P có yêu cầu vợ chồng ông N và bà T thanh toán nợ nhưng N và bà T vẫn không thanh toán cho bà P .

Nay, Hộ kinh doanh Thang Thị P yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh N và bà Trần Hồng T phải trả cho Hộ kinh doanh Thang Thị P số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản còn nợ 191.107.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày: Trước đây khi ông và bà T còn chung sống chưa ly hôn, ông và bà T nuôi tôm công nghiệp vào năm 2015 trên phần đất ông được cha mẹ cho ông và bà T . Trong quá trình nuôi tôm, ông và bà T mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản của Hộ kinh doanh Thang Thị P do bà Thang Thỉ P làm chủ. Ông và bà T nuôi tôm đến năm 2018 thì ngưng, khi ngưng ông và bà P đối chiếu công nợ, ông và bà T còn nợ số tiền 191.107.000 đồng. Khi ông và bà T ly hôn vào năm 2020 đến nay, ông và bà T chưa trả khoản tiền mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản còn nợ cho bà P .

Nay, bà P yêu cầu ông và bà T trả khoản tiền trên, ông đồng ý cùng bà T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà P ½ số tiền 191.107.000 đồng mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản còn nợ.

Đối với bị đơn bà Trần Hồng T : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Hồng T bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Hộ kinh doanh Thang Thị P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh N và bà Trần Hồng T trả tiền mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét Hộ kinh doanh Thang Thị P yêu cầu ông N và bà T trả số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản còn nợ 191.107.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo sổ đối chiêu công nợ bà P cung cấp thể hiện, từ năm 2015 đến năm 2018 ông N ký

xác nhận nợ Hộ kinh doanh Thang Thị P số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản 191.107.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N xác định. Khi ông và bà T còn chung sống chưa ly hôn, từ năm 2015 đến năm 2018 ông và bà T nuôi tôm công nghiệp trên phần đất ông được cha mẹ cho ông và bà T , thời gian nuôi tôm ông và bà T mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản của Hộ kinh doanh Thang Thị P , khi ông và bà T ngưng nuôi tôm ông và bà Phỉ đối chiếu công nợ, ông và bà T còn nợ số tiền 191.107.000 đồng. Cũng như, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự: *"...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đượng sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh..."*. Viễn dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn nên bà T phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình. Từ căn cứ trên, buộc ông N và bà T có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh Thang Thị P số tiền 191.107.000 đồng. Do ông N và bà T hiện đã được Tóa án giải quyết ly hôn theo Bản án phúc thẩm số 03/2021/HNGĐ-PT ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh C nên buộc ông N và bà T mỗi người có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh Thang Thị P số tiền 95.553.500 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, buộc ông N và bà T mỗi người phải chịu án phí số tiền 4.777.700 đồng trong tổng số án phí 9.555.400 đồng. (191.107.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Thang Thị P .

1. Buộc ông Nguyễn Minh N trả cho Hộ kinh doanh Thang Thị P số tiền 95.553.500 đồng (chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng).

2. Buộc bà Trần Hồng T trả cho Hộ kinh doanh Thang Thị P số tiền 95.553.500 đồng (chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hộ kinh doanh Thang Thị P (Thang Thị P) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Thang Thị P số tiền 4.778.000 đồng (bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0000700 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Nguyễn Minh N phải chịu 4.777.700 đồng (bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghì bảy trăm đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Trần Hồng T phải chịu 4.777.700 đồng (bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghì bảy trăm đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam